TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA – TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HSST
Ngày: 24/8/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP. HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Kiến
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Tạ Xuân Trái
+ Bà Nguyễn Thị Vân

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2017/HSST ngày 28/7/2017 đối với bị cáo: **Phạm Văn Đ -** sinh năm 1989; Nơi sinh, nơi ĐKHKTT và nơi ở: thôn ĐK, xã HS, huyện MĐ, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị B; có vợ Bùi Thị A – SN 1988 (đã ly hôn) và 01 con SN 2012; danh chỉ bản số 155 lập ngày 26/6/2017; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2012 bị Công an phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ" (đã chấp hành nộp phạt ngày 10/9/2012). Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 26/6/2017 đến ngày 05/7/2017 tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại**: - Anh Nguyễn Tiến T1 – sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn TA, thị trấn VĐ, huyện UH, TP. Hà Nội;

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị B – sinh năm 1969 (Vắng mặt)
- Ông Phạm Văn T – sinh năm 1966 (Có mặt)
- Anh Phạm Văn N – sinh năm 1990 (Có mặt)

Đều trú tại: thôn ĐK, xã HS, huyện MĐ, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Phạm Văn Đ bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 23 giờ ngày 15/3/2017, Nguyễn Tiến T1 – SN 1993 ở TA, VĐ, UH điều khiển xe moto biển kiểm soát: 29Y3-148.51 đến nhà Đinh Văn C – SN 1990 ở thôn ND, xã HN, huyện UH chơi. Khi đến nhà C có Nguyễn Thế H – SN 1984 ở TT ĐN, huyện MĐ, Đỗ Ngọc M – SN 1992 ở xã ĐH, huyện MĐ và Phạm Văn Đ – SN 1989 ở thôn ĐK, xã HS, huyện MĐ đang cùng

chơi ở đây. Ngồi chơi 30 phút thì Đ nói với T1 "*Cho anh mượn xe anh chở người yêu đi chơi hơn một tiếng thì anh mang xe về trả?*". T1 quay sang hỏi C, M và H "*Anh Đ là các bạn anh à?*", mọi người nói "*Ừ*" thì T1 cho Đ mượn chìa khóa xe máy. Đ ra sân lấy xe đi đến phòng trọ của Vũ Thị N1 – SN 1997 ở xã TĐ, Huyện TN, tỉnh Nam Định đang trọ ở nhà C rủ và chở N1 đi chơi rồi cả hai cùng đến nhà nghỉ "Hương Lan" ở TT ĐN, huyện MĐ ngủ đến sáng ngày 16/3/2017 thì Đ chở N1 về nhà trọ, còn mình đi chơi tiếp. Do không có tiền tiêu xài nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe này; Đ đi xe đến nhà Phạm Văn N – SN 1990 ở thôn ĐK, xã HS, huyện MĐ nói với N "*Mày cho tao mượn ít tiền?"* N hỏi "*Mượn làm gì?*", Đ nói "*Tao mượn để giải quyết ít công việc, tao đi Hà Nội, mày cho tao mượn, tao để lại chiếc xe máy làm tin, xe máy này tao mới mua*"; N hỏi "*Bao nhiêu tiền?*", Đ nói "*Tám triệu đồng*". N lấy tiền đưa cho Đ, Đ cầm tiền đi chơi chi tiêu cá nhân hết rồi bỏ trốn. T1 tìm mọi cách để liên hệ với Đ nhưng không được nên đã trình báo công an. Ngày 23/6/2017 CQĐT ra quyết định truy nã đối với Đ, ngày 26/6/2017 Đ ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 xe moto YAMAHA Exciter, BKS: 29Y3-148.51

Bản kết luận định giá số 22 ngày 19/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện Ứng Hòa kết luận: "Giá trị của chiếc xe máy hiệu YAMAHA Exceter là 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng 51/CT-VKS ngày 27/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố Phạm Văn Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" qui định tại điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên Toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Miễn hình phạt bổ sung vì bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại và không có yêu cầu nên không xét. Bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, chứng cứ tại phiên toà, qua xét hỏi và tranh luận:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qúa trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng. Lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Đêm ngày 15/3/2017, lợi dụng sự quen biết thông qua bạn chơi, Phạm Văn Đ đã hỏi và mượn được chiếc xe moto hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát: 29Y3-148.51 của anh Nguyễn Tiến T1 ở thôn TA, TT VĐ, huyện UH để sử dụng. Sau đó, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Đ đã điều khiển xe đến nhà anh

Phạm Văn N ở cùng thôn lừa dối N để xe máy lại làm tin để vay 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Số tiền có được Đ tự chi tiêu hết rồi bỏ trốn và chỉ ra đầu thú sau khi CQĐT ra lệnh truy nã. Hành vi bị cáo đã thực hiện và giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 24.500.000đ (*Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) nên bị cáo đã phạm vào tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" qui định tại điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự.

Bởi vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Đáng lưu ý, năm 2012 bị cáo đã bị xử phạt hành chính, tuy đã chấp hành xong nhưng là căn cứ xem xét đánh giá về nhân thân của bị cáo. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi nhưng cố ý vi phạm. Vì vậy, cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, xét việc bị cáo nhận thức được sai phạm đã ra đầu thú, trong thời gian bị tạm giữ đã tác động gia đình hoàn trả anh N số tiền đã lừa dối anh N để vay được tiền nên có thể xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết bồi thường khắc phục hậu quả qui định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tuy đã bị xử lý hành chính nhưng là hành vi khác loại; bị cáo có nơi cư trú, làm việc ổn định, rõ ràng, có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền xác nhận nên HĐXX không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện theo qui định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

Đối với Phạm Văn N là người cho Đ vay tiền và giữ chiếc xe moto BKS: 29Y3-148.51; tuy nhiên, xét việc N tin lời Đ và không biết xe đó do Đ phạm tội mà có. Khi biết sự việc, N đã tự nguyện giao nộp lại xe này. Vì vậy, CQĐT xác định N không có lỗi nên không đề cập xử lý là đúng.

Đối với Vũ Thị N1 trong thời gian đi chơi với Đ không hỏi xe này mượn của ai, Đ cũng không nói gì; do N1 không biết nên không có lỗi.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Xe moto YAMAHA Exciter biển kiểm soát: 29Y3-148.51 do anh N giao nộp là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh T1 mà bị cáo đã chiếm đoạt. CQĐT đã xử lý vật chứng trả lại anh T1, anh T1 đã nhận lại xe này và không có ý kiến đề nghị gì khác. Gia đình bị cáo đã tự

nguyện hoàn trả anh N 8.000.000đ mà bị cáo đã vay; đồng thời gia đình bị cáo cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này. Đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận không đặt ra xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn Đ 15 (*Mười lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (*Ba mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Văn Đ cho UBND xã HS, huyện MĐ, TP Hà Nội quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

2. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Xác nhận việc người bị hại (Nguyễn Tiến T1) đã nhận lại xe moto YAMAHA Exciter biển kiểm soát: 29Y3-148.51 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Xác nhận việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Phạm Văn N) đã nhận đủ số tiền cho bị cáo vay; xác nhận việc bà Nguyễn Thị B và ông Phạm Văn T (Bố, mẹ đẻ bị cáo) là người đã bỏ số tiền (8.000.000đ) thanh toán trả anh N đồng thời không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền này.

3. Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Toà án, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhậnđược bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ (*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi của chính mình*).

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- CA, VKS, THADS H.Ứng Hòa;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Kiến